TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 12-11-2024
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Chí Nguyện.

Các Thẩm phán: Ông Phan Quyết Thắng và bà Mai Vân Anh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nhung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 12-11-2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội;

Mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 84/2024/TLPT-HNGĐ ngày 28-6-2024, về việc: "Tranh chấp ly hôn".

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 178/2024/HNGĐ-ST ngày 26 & 29-3-2024 của Tòa án nhân dân quận HĐ, Thành phố Hà Nội có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 279/2024/QĐXX-PT ngày 19-9-2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 156/2024/QĐ-HPT ngày 15-10-2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn có kháng cáo:* Anh VĐT, sinh năm: 1986; Địa chỉ nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Phường A, quận HĐ, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Bị đơn không kháng cáo:* Chị NTP, sinh năm: 1998. Địa chỉ nơi ĐKNKTT: Phường B, quận HBT, Thành phố Hà Nội. Địa chỉ nơi ở: Phường A, quận HĐ, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:* Ông VHK, sinh năm: 1956 và bà ĐTH, sinh năm: 1962; Đều có địa chỉ nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Phường A, quận HĐ, Thành phố Hà Nội. Đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung:

Anh VĐT kết hôn với chị NTP là tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 09-02-2017 tại UBND phường A, quận HĐ, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ: Phường A, quận HĐ, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm về kinh tế; vợ chồng không rõ ràng trong làm ăn, không minh bạch về kinh tế dẫn đến việc

xúc phạm cãi chửi nhau làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, hạnh phúc gia đình bị ảnh hưởng nghiêm trọng, vợ chồng thường xảy ra xô xát. Chị NTP thường xuyên bỏ nhà đi một thời gian, không biết đi đâu. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9-2022.

Khi chị NTP nộp đơn ly hôn đến Tòa án, thì anh VĐT xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị NTP. Sau đó, chị NTP rút đơn xin ly hôn thì anh VĐT vẫn tiếp tục đề nghị Tòa giải quyết cho anh được ly hôn chị NTP.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu VMA, sinh ngày 03-8-2015; cháu VHA, sinh ngày 02-7-2016 và cháu VHC, sinh ngày 27-8-2019. Các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường.

Khi ly hôn, anh VĐT có nguyện vọng các cháu muốn ở với ai thì theo nguyện vọng của các cháu. Cháu VMA và cháu VHA có nguyện vọng ở với anh VĐT, anh VĐT nhất trí; cháu VHC còn nhỏ nếu chị NTP muốn nuôi anh VĐT cũng nhất trí. Nếu chị NTP không nuôi cháu nào thì anh xin nuôi cả ba cháu. Anh VĐT trình bày anh làm công việc kinh doanh tự do thu nhập khoảng 30 - 40 triệu/tháng. Các cháu hiện đang ở anh và bố mẹ anh từ nhỏ nên được ông bà hỗ trợ chăm sóc các cháu từ nhỏ đến bây giờ.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh VĐT không yêu cầu chị NTP cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: anh VĐT xác định anh và chị NTP không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung:

+ Khoảng giữa năm 2019, anh và chị NTP hỏi vay của bố mẹ anh (ông VHK, bà ĐTH) số tiền 300.000.000 đồng tiền mặt để mua nhà. Nhưng do không làm được thủ tục cấp sổ đỏ nên chủ nhà đã trả lại tiền mua nhà, số tiền vay này hiện chị NTP vẫn đang cầm, bố mẹ anh có đòi trả nhưng chị NTP không trả và có nói là tiền đã gửi ngân hàng để mua nhà khác; anh cũng không được cầm số tiền này. Anh yêu cầu chị NTP phải trả lại cho bố mẹ anh số tiền 300.000.000 đồng.

+ Cuối tháng 10-2019, anh và chị NTP có vay của bố mẹ đẻ anh VĐT là ông VHK, bà ĐTH số tiền 300.000.000 đồng để giải quyết việc đền bù cho anh MTT tại địa chỉ Phường C, quận HBT, thành phố Hà Nội do anh VĐT có va chạm đánh nhau với anh MTT. Do thời điểm đó anh VĐT không có ở nhà nên bố mẹ anh VĐT đã giao tiền cho chị NTP đi giải quyết công việc, chị NTP đã nhận đủ số tiền trên.

+ Đầu tháng 11-2019, anh và chị NTP vay tiếp bố mẹ anh 100.000.000 đồng để giải quyết nốt việc bồi thường trên cho anh MTT. Bố mẹ anh đồng ý và đưa số tiền trên cho vợ chồng anh, chị NTP là người cầm số tiền trên nhưng không dùng tiền để giải quyết việc lại sử dụng vào mục đích cá nhân và không cho anh biết. Anh yêu cầu chị NTP phải trả lại số tiền này cho bố mẹ anh.

Ngoài ra, anh còn yêu cầu chị NTP thanh toán trả cho anh tiền 250.890.000 đồng bao gồm liên quan đến việc buôn bán làm ăn chung, tiền thuốc lá, tiền công việc nhưng sau đó anh VĐT đã rút yêu cầu này.

- Về án phí: Anh VĐT nhất trí chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

**** Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn là chị NTP trình bày:***

Về tình cảm: Chị và anh VĐT kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn ngày 09-02-2017 tại UBND phường A, quận HĐ, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống tại: Phường A, quận HĐ, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh, chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh, chị không cùng quan điểm sống, anh VĐT dùng vũ lực đánh đập chị nhiều lần, không có trách nhiệm với con cái. Chị và anh VĐT đã sống ly thân từ ngày 09-9-2022 đến nay.

Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên cũng cố gắng hòa giải nhưng tình trạng mâu thuẫn không cải thiện. Hiện tại chị NTP không có thai. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên chị, anh VĐT nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh VĐT có 03 con chung là cháu VMA, sinh ngày 03-8-2015; cháu VHA, sinh ngày 02-7-2016 và cháu VHC, sinh ngày 27-8-2019. Anh chị nhất trí tại buổi hoà giải ngày 19-12-2023 với nội dung: Nguyện vọng các cháu muốn ở với ai thì theo nguyện vọng của các cháu. Các cháu VMA, cháu VHA có nguyện vọng ở với anh VĐT, chị NTP nhất trí; cháu VHC còn nhỏ, chị NTP muốn được nuôi cháu VHC. Chị NTP tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với anh VĐT 5.000.000 đồng/ tháng.

- Về tài sản chung: Chị NTP xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung:

+ Đối với khoản nợ 300.000.000 đồng vay để mua nhà, chị NTP trình bày: chị và anh VĐT vay của bố mẹ đẻ anh VĐT là ông VHK, bà ĐTH số tiền 300.000.000 đồng để mua nhà nhưng chưa mua được. Chị xác nhận có vay khoản tiền trên, chưa trả được; đây là khoản nợ chung của hai vợ chồng, do đó đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Đối với số tiền 400.000.000 đồng: Chị NTP thừa nhận cùng bà ĐTH mang tiền đến nhà anh MTT để bồi thường giải quyết việc va chạm giữa anh VĐT và anh MTT. Bà ĐTH có lấy tiền trong túi nilon ra bảo chị NTP đưa cho mẹ của người bị hại, cụ thể bao nhiêu tiền chị không đếm, chị không vay mượn ông VHK bà ĐTH số tiền trên. Anh VĐT và ông VHK, bà ĐTH yêu cầu chị phải chịu hoàn toàn trách nhiệm số tiền đó thì chị không đồng ý vì toàn bộ số tiền đưa cho gia đình nhà anh MTT chị

không được cầm, tiền là để giải quyết hậu quả việc anh VĐT đánh anh MTT. Nên chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông VHK và bà ĐTH thống nhất trình bày:***

Năm 2019, ông VHK và bà ĐTH có cho vợ chồng VĐT, NTP vay số tiền 300.000.000 đồng để mua nhà, vay tiền mặt nhưng sau đó chủ nhà trả lại tiền vì không sang tên được sổ đỏ. Khi vay không thỏa thuận về lãi, không ký giấy tờ vay. Ông bà có yêu cầu anh VĐT chị NTP trả nhưng chị NTP nói đã gửi ngân hàng để mua nhà khác. Ông VHK, bà ĐTH yêu cầu anh VĐT, chị NTP phải trả số tiền này.

+ Năm 2018, chị NTP có vay riêng ông bà số tiền 50.000.000 đồng, để trả nợ riêng của chị NTP. Khi vay không thỏa thuận về lãi. Ông bà đề nghị chị NTP trả ông bà số tiền này.

+ Năm 2021, chị NTP có nhờ ông bà trả hộ bà ĐTTH (em gái bà ĐTH) 01 cây vàng. Đến tháng 8-2022, chị NTP đã trả được cho bà ĐTTH 20.000.000 đồng còn nợ số tiền 30.000.000 đồng.

+ Ngày 19-12-2023, ông VHK, bà ĐTH có đơn yêu cầu anh VĐT, chị NTP trả cho ông bà số tiền 400.000.000 đồng. Cụ thể: Vào tháng 10-2019, anh VĐT có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến đánh nhau gây thương tích với anh MTT. Sau khi hòa giải hai bên thống nhất bồi thường để hoà giải. Vợ chồng anh VĐT, chị NTP có nhờ ông bà vay hộ 400.000.000 đồng để bồi thường. Ông bà thu xếp vay được 300.000.000 đồng và có báo cho anh VĐT, chị NTP biết. Vợ chồng VĐT, NTP nhờ mang lên nơi ở của hai vợ chồng tại phố Trần Đại Nghĩa - Hà Nội, mang trước 300.000.000 đồng. Bà ĐTH cầm 300.000.000 đồng xuống nhà trọ của anh VĐT chị NTP, cùng chị NTP và hai người bạn của vợ chồng VĐT, NTP đi giải quyết công việc và bồi thường cho anh MTT, cả 04 người cùng bàn giao số tiền cho gia đình nhà MTT là 350.000.000 đồng bao gồm cả số tiền 50.000.000 đồng hai người bạn cho vay ngay lúc đó. Gia đình nhà MTT có viết giấy biên nhận theo thỏa thuận. Sau một tuần, vợ chồng VĐT, NTP có về lấy tiếp 100.000.000 đồng để lo nốt công việc, ông VHK đã đưa số tiền 100.000.000 đồng cho vợ chồng VĐT, NTP.

Tuy nhiên, ngày 18-8-2023, ông VHK và bà ĐTH có đơn xin rút yêu cầu độc lập đòi 300.000.000 đồng + 50.000.000 đồng + 01 cây vàng vay hộ như nêu trên.

Nay ông VHK, bà ĐTH yêu cầu vợ chồng anh VĐT, chị NTP trả lại cho ông bà số tiền 400.000.000 đồng (trong đó 300 triệu cho vợ chồng vay mua nhà và 100 triệu đưa chị NTP giải quyết vụ va chạm do anh VĐT gây ra), không có yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, ông VHK bà ĐTH còn trình bày vợ chồng anh VĐT sinh được ba người con nhưng chị NTP thường xuyên bỏ nhà đi từ khi các cháu được 02-03 tháng tuổi. Ông bà chăm sóc ba cháu từ khi mới sinh ra đến tận bây giờ như ông bà nuôi con nhỏ, ông bà còn bao bọc cả gia đình anh VĐT, chị NTP; nếu anh chị có đóng góp thì

cũng không đáng kể. Ngoài ra, ông bà cũng phải bỏ tiền để đóng học cho các cháu thì các cháu mới được học hành đầy đủ.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 178/2024/HNGĐ-ST ngày 26&29-3-2024 của Tòa án nhân dân quận HĐ, Thành phố Hà Nội, đã quyết định:

1. Đình chỉ đơn xin ly hôn của chị NTP đối với anh VĐT.

2. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông VHK bà ĐTH về đòi nợ số tiền 300.000.000 đồng, đòi nợ số tiền 50.000.000 đồng và đòi nợ 01 cây vàng vay hộ của bà ĐTTH.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông VHK, bà ĐTH về việc yêu cầu anh VĐT, chị NTP phải trả cho ông bà số tiền 400.000.000 đồng để giải quyết việc bồi thường.

3. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh VĐT đối với chị NTP.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh VĐT được ly hôn chị NTP.

- Về con chung: Anh VĐT, chị NTP xác nhận có 03 con chung là cháu VMA, sinh ngày 03-8-2015; cháu VHA, sinh ngày 02-7-2016 và cháu VHC, sinh ngày 27-8-2019. Các con anh chị đều khoẻ mạnh, phát triển bình thường.

- Giao cho anh VĐT được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là cháu VMA và cháu VHA kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi thoả thuận khác.

- Giao cho chị NTP trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là cháu VHC kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi thoả thuận khác.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh VĐT, chị NTP không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của chị NTP cấp dưỡng nuôi con chung với anh VĐT 5.000.000 đồng/tháng.

Anh VĐT, chị NTP có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh VĐT, chị NTP không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung:

+ Chị NTP phải trả cho ông VHK, bà ĐTH tổng cộng số tiền nợ chung là 200.000.000 đồng.

+ Anh VĐT phải trả cho ông VHK, bà ĐTH tổng cộng số tiền nợ chung là 200.000.000 đồng.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của anh VĐT nhận trách nhiệm trả nợ cho ông VHK, bà ĐTH số tiền 300.000.000 đồng.

4. Về án phí:

- Chị NTP được hoàn trả lại tiền tạm ứng phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng, đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2020/0010923 tại Chi cục thi hành án dân sự quận HĐ, thành phố Hà Nội ngày 20-12-2022.

Chị NTP phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung và 300.000 đồng tiền án phí về nợ chung.

- Anh VĐT phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về nợ chung.

- Ông VHK, bà ĐTH không phải nộp án phí.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm. Ngày 10-4-2024, bị đơn là anh VĐT đã làm đơn kháng cáo phần bản án sơ thẩm giải quyết phần nợ chung, theo đó không đồng ý phân chia nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng cho ông VHK, bà ĐTH.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh VĐT giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, theo đó anh VĐT yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị NTP phải trả nợ riêng cho bố mẹ anh là ông VHK và bà ĐTH số tiền vay 400.000.000 đồng, với lý do: Số tiền này chị NTP giữ anh không được sử dụng và chị NTP cũng không sử dụng vào chi tiêu trong gia đình.

Ông VHK và bà ĐTH thống nhất quan điểm: Yêu cầu vợ chồng anh VĐT, chị NTP phải trả ông bà số tiền vay là 700.000.000 đồng, trong đó bao gồm: 300.000.000 vợ chồng anh VĐT, chị NTP vay mua nhà và 400.000.000 đồng vay để trả tiền bồi thường cho anh MTT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Anh VĐT làm đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn nên kháng cáo của anh VĐT là hợp lệ.

Thẩm phán và HĐXX phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo thực hiện trước và tại phiên tòa.

Về nội dung kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm xác định toàn bộ khoản tiền vợ chồng anh VĐT, chị NTP vay của ông VHK, bà ĐTH số tiền 700.00.000 đồng là khoản nợ chung vợ chồng và giải quyết phân chia trách nhiệm trả nợ của anh VĐT, chị NTP cho vợ chồng ông VHK, bà ĐTH theo bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Kháng cáo của anh VĐT là không có cơ sở được chấp nhận.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về trách nhiệm nộp tiền án phí phân chia nghĩa vụ chung về tài sản đối với các đương sự nhưng áp dụng mức án phí không có giá ngạch mỗi bên đương sự phải nộp 300.000 đồng là không đúng quy định tại điểm e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, gây thiệt hại đến lợi ích của nhà nước. Đề nghị HĐXX căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự xử: Sửa bản án sơ thẩm phần giải quyết án phí sơ thẩm, theo đó buộc anh VĐT và chị NTP phải chịu tiền án phí có giá ngạch đối với phần chia nghĩa vụ chung về tài sản.

Giữ nguyên phần bản án sơ thẩm về nội dung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở ý kiến của các đương sự và đề nghị của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[I]. Về Tố tụng:

Anh VĐT làm đơn kháng cáo trong thời hạn và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo của anh VĐT được xác định là hợp lệ.

Các đương sự trong vụ án đều có địa chỉ nơi cư trú tại Phường A, quận HĐ, Thành phố Hà Nội. Do đó, Tòa án nhân dân quận HĐ thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đảm bảo đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là chị NTP hiện vắng mặt tại nơi cư trú, không ai biết chị NTP đang ở đâu, Toà án đã tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Toà án cấp phúc thẩm căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[II]. Về nội dung kháng cáo: Sau khi Tòa án xét xử sơ thẩm, bị đơn là anh VĐT kháng cáo bản án sơ thẩm về việc xác định chia số tiền nợ chung.

[1]. Phần Bản án sơ thẩm giải quyết về quan hệ hôn nhân; con chung; tài sản chung các đương sự đều nhất trí và không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

Quyết định đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi liên quan là ông VHK và bà ĐTH, do đương sự rút yêu cầu không có kháng cáo, kháng nghị.

Căn cứ quy định quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án không xem xét giải quyết phần nội dung bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị. Do đó, các nội dung của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2]. Xét kháng cáo của anh VĐT:

Anh VĐT không nhất trí việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền 400 triệu đồng bố mẹ đẻ anh là ông VHK và bà ĐTH cho vợ chồng vay, trong đó có 300 triệu đồng vay mua nhà và 100 triệu đồng cho vay để xử lý hậu quả sự việc vi phạm do anh VĐT gây ra là thuộc nghĩa vụ chung vợ chồng, với lý do: Toàn bộ số tiền này chị NTP đã chi tiêu riêng không sử dụng vào mục đích mua nhà hoặc khắc phục hậu quả do anh gây ra. Anh VĐT yêu cầu xác định đây là khoản nợ riêng của chị NTP và chị NTP phải có nghĩa vụ trả.

Nhận thấy: Các đương sự đều xác nhận số tiền vợ chồng anh VĐT, chị NTP vay của bố mẹ đẻ anh VĐT là ông VHK và bà ĐTH chưa trả là 700 triệu đồng, trong đó có 300 triệu đồng vay mua nhà và 400 triệu đồng vay để xử lý hậu quả sự việc vi phạm do anh VĐT gây ra.

Số tiền 300 triệu đồng vay mua nhà thì chị NTP xác nhận do chị quản lý nhưng đã chi tiêu hết, chị NTP xác nhận đây là nợ chung của vợ chồng; số tiền 400 triệu đồng xử lý để giải quyết hậu quả do anh VĐT đánh nhau gây ra nên anh VĐT và gia đình phải chịu trách nhiệm. Chị NTP đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Anh VĐT cho rằng toàn bộ số tiền 700 triệu đồng, trong đó có 300 triệu đồng vay mua nhà năm 2019 và 400 triệu đồng vay để xử lý hậu quả sự việc vi phạm do anh VĐT gây ra vào tháng 10-2019. Anh VĐT tự nguyện chịu trách nhiệm trả nợ riêng cho ông VHK, bà ĐTH số tiền 300 triệu đồng bồi thường cho anh MTT (do VĐT đánh anh MTT). Số tiền 400 triệu còn lại, trong đó có 300 triệu đồng vay mua nhà năm 2019 và 100 triệu để cảm ơn sau khi giải quyết việc anh VĐT đánh nhau, thì chị NTP giữ chi tiêu riêng nên chị NTP phải trả, anh không chịu trách nhiệm đối với số tiền này.

Xét thấy: Số tiền vợ chồng anh VĐT, chị NTP vay nợ bố mẹ đẻ anh VĐT là ông VHK, bà ĐTH 700 triệu đồng chưa trả là đúng, đã được các bên xác nhận. Thời điểm các bên vay nợ thì anh VĐT và chị NTP có quan hệ vợ chồng; mục đích vay được các bên thống nhất xác lập là vay để mua nhà và khắc phục hậu quả do anh VĐT đánh nhau gây ra. Mặc dù số tiền này do chị NTP giữ và đã chi tiêu hết trong thời kỳ hôn nhân nhưng việc quản lý, sử dụng số tiền này đều được vợ chồng thống nhất nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xác nhận đây là khoản nợ chung của vợ chồng là phù hợp quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình. Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận việc anh VĐT tự nguyện trả ông VHK, bà ĐTH số tiền 300 triệu (ông VHK và bà ĐTH cũng nhất trí) và xác nhận số tiền 400 triệu đồng vay nợ của ông VHK, bà ĐTH chưa trả và chị NTP đã chi tiêu là khoản nợ chung của vợ chồng và buộc mỗi bên phải chịu ½ nghĩa vụ trả nợ là đúng.

Kháng cáo của anh VĐT là không có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh VĐT phải chịu 300.000đ tiền án phí Ly hôn sơ thẩm và buộc chị NTP phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là đúng theo quy định tại điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2026/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc mỗi đương sự phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự có giá ngạch khi giải quyết nghĩa vụ trả nợ là không đúng quy định tại điểm e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, gây thiệt hại đến lợi ích của nhà nước. Do đó, HĐXX căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Sửa bản án sơ thẩm phần giải quyết án phí sơ thẩm, theo đó buộc anh VĐT và chị NTP phải chịu tiền án phí có giá ngạch đối với phần chia nghĩa vụ chung về tài sản.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Mặc dù kháng cáo của anh VĐT không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận, nhưng do bản án sơ thẩm bị sửa phần quyết định về án phí sơ thẩm nên anh VĐT không phải chịu tiền án phí phúc thẩm. Trả lại anh VĐT số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Từ nhận định trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 147; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh VĐT về việc xác định khoản tiền vay nợ ông VHK, bà ĐTH số tiền 400.000.000đ *(Bốn trăm triệu đồng)*, trong đó có số tiền vay mua nhà 300.000.000đ *(Ba trăm triệu đồng)* và khoản vay khác 100.000.000đ *(Một trăm triệu đồng)* là khoản nợ riêng của chị NTP.

Sửa bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 178/2024/HNGĐ-ST ngày 26 & 29-3-2024 của Tòa án nhân dân quận HĐ, Thành phố Hà Nội. Cụ thể:

Xử:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh VĐT đối với chị NTP. Anh VĐT và chị NTP chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Anh VĐT, chị NTP có 03 con chung là cháu VMA, sinh ngày 03-8-2015; cháu VHA, sinh ngày 02-7-2016 và cháu VHC, sinh ngày 27-8-2019. Các con chung đều khoẻ mạnh, phát triển bình thường.

- Giao cho anh VĐT được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là cháu VMA và cháu VHA kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi thoả thuận khác.

- Giao cho chị NTP trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu VHC kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi thoả thuận khác.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị NTP cấp dưỡng nuôi con chung với anh VĐT số tiền 5.000.000 *(Năm triệu)* đồng/tháng.

Anh VĐT, chị NTP có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được phép cản trở.

1.3. Về tài sản chung: Anh VĐT, chị NTP không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Phần nghĩa vụ chung về tài sản:

- Chị NTP phải trả cho ông VHK, bà ĐTH tổng cộng số tiền nợ chung là 200.000.000đ *(Hai trăm triệu đồng)*.

- Anh VĐT phải trả cho ông VHK, bà ĐTH tổng cộng số tiền nợ chung là 200.000.000đ *(Hai trăm triệu đồng)*.

- Ghi nhận sự tự nguyện của anh VĐT nhận trách nhiệm trả nợ cho ông VHK, bà ĐTH số tiền 300.000.000đ *(Ba trăm triệu đồng)*.

1.5. Về án phí sơ thẩm:

- Anh VĐT phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm và 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* án phí dân sự về trả nợ chung.

- Chị NTP không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng chị NTP phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con chung và 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* tiền án phí dân sự về trả nợ chung. Bảo lưu số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* chị NTP đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0010923 ngày 20-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận HĐ, Thành phố Hà Nội để đảm bảo thi hành án.

2. Các nội dung khác của Bản án sơ thẩm số 178/2024/HNGĐ-ST ngày 26 & 29-3-2024 của Tòa án nhân dân quận HĐ không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm: Anh VĐT không phải chịu tiền án phí phúc thẩm. Trả lại anh VĐT số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0043779 ngày 15-5-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận HĐ.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *VKSND TP Hà Nội;*
- *CCTHADS q.HĐ, TP Hà Nội;*
- *TAND q.HĐ, TP Hà Nội;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Chí Nguyện